

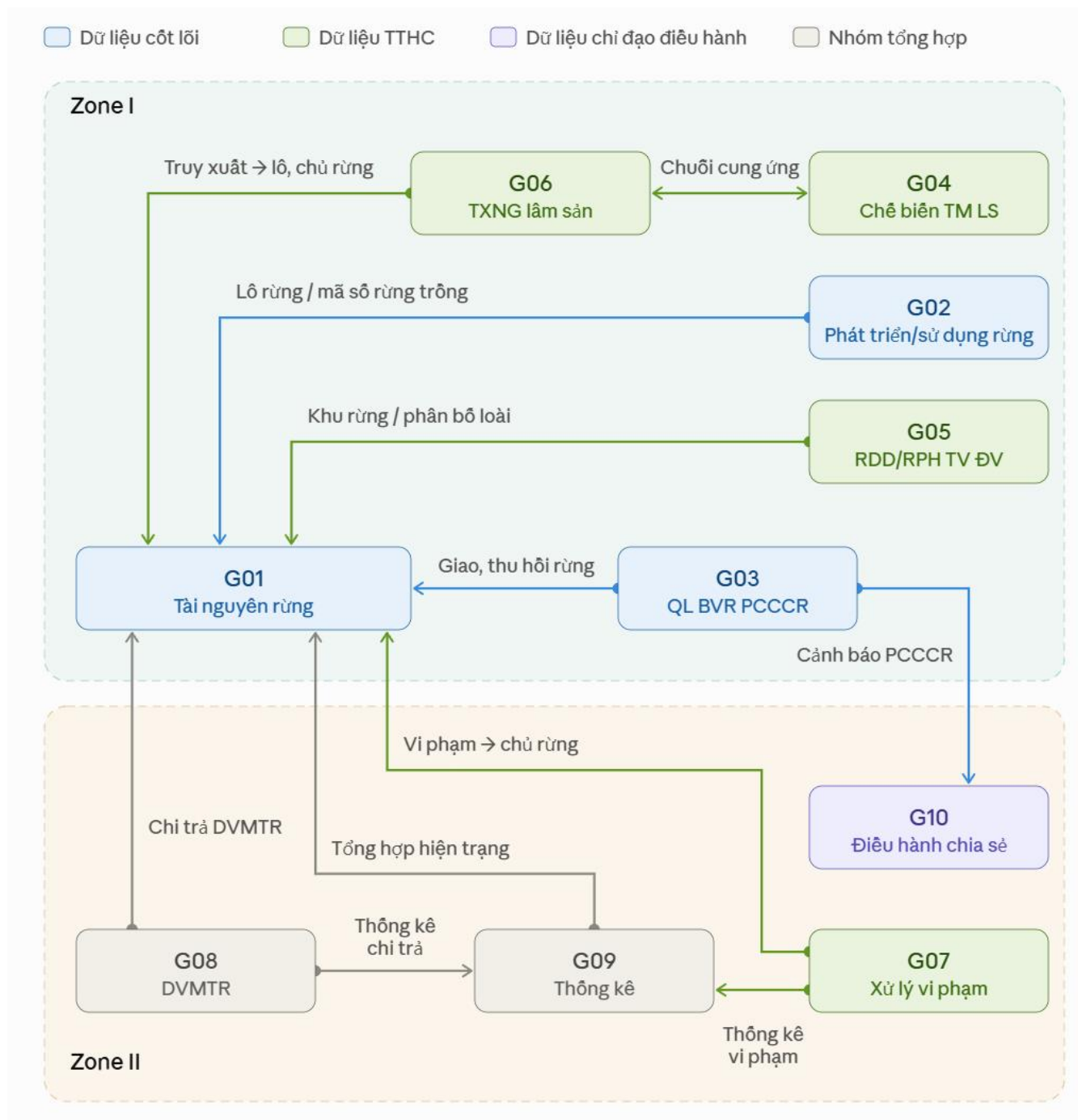


Phụ lục V

MÔ HÌNH DỮ LIỆU MỨC KHÁI NIỆM LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BNNMT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Mô hình dữ liệu mức khái niệm mô tả các đối tượng dữ liệu mức thực thể (mức cơ bản nhất) và quan hệ giữa 10 nhóm dữ liệu lĩnh vực lâm nghiệp tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này.



Mô hình dữ liệu mức khái niệm

Bảng thực thể dữ liệu theo 10 nhóm dữ liệu

STT	Mã nhóm	Nhóm dữ liệu	Thực thể dữ liệu chính	Quan hệ liên nhóm	Lớp DL trọng tâm	Phạm vi
1	G01	Tài nguyên rừng	Lô rừng; Chủ rừng; Khoảnh; Tiểu khu; Lịch sử lô rừng; Ranh giới rừng	Liên kết G02 (giống, mã số rừng trồng), G06 (truy xuất), G09 (thống kê)	DLC, DLG, TH	Toàn quốc
2	G02	Phát triển rừng, sử dụng rừng	Giống cây trồng lâm nghiệp được công nhận; Nguồn giống; Mã số rừng trồng; Cây phân tán; Mùa vụ trồng rừng; Diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững	Liên kết G01 (lô rừng), G04 (lâm sản), G06 (nguồn gốc gỗ)	DLC, GD, DM	Toàn quốc
3	G03	Quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng	Giao rừng; Cho thuê rừng; Thu hồi rừng; Tạm sử dụng rừng; Chuyển mục đích sử dụng rừng; Cảnh báo cháy rừng	Liên kết G01 (ranh giới rừng), G10 (điều hành cảnh báo)	DLG, GD, TH	Toàn quốc
4	G04	Chế biến và thương mại lâm sản	Cơ sở chế biến; Danh mục lâm sản; Thị trường; Kim ngạch xuất nhập khẩu	Liên kết G06 (truy xuất), G02 (nguyên liệu)	DLC, GD, TH	Toàn quốc
5	G05	Quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; quản lý thực vật rừng, động vật rừng	Khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; Đề án du lịch sinh thái; loài được ưu tiên bảo vệ; cơ sở nuôi/trồng; giấy phép CITES	Liên kết G01 (phân bố loài), G06 (giấy phép CITES)	DLC, GD, DM	Toàn quốc
6	G06	Quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản	Lô hàng lâm sản; Bảng kê lâm sản; Vận chuyển lâm sản; Phương án khai thác gỗ; Phân loại doanh nghiệp	Liên kết G01, G02, G04 (chuỗi cung ứng)	GD, DLC, TH	Toàn quốc
7	G07	Xử lý vi phạm về	Vụ việc vi phạm; Vi phạm lâm nghiệp; Quyết định	Liên kết G01 (lô rừng), G03	GD, TH	Toàn quốc

STT	Mã nhóm	Nhóm dữ liệu	Thực thể dữ liệu chính	Quan hệ liên nhóm	Lớp DL trọng tâm	Phạm vi
		lâm nghiệp	xử phạt VPHC; Cá nhân, tổ chức bị xử phạt	(PCCCR), G09 (thống kê)		
8	G08	Dịch vụ môi trường rừng	Bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng; Nộp tiền sử dụng dịch vụ; Diện tích rừng được chi trả; Chi trả cho bên cung ứng	Liên kết G01 (diện tích rừng), G09 (thống kê chi trả)	GD, TH, DLC	Toàn quốc
9	G09	Thống kê lâm nghiệp	Chỉ tiêu thống kê; Báo cáo định kỳ; Dashboard điều hành	Tổng hợp từ G01 đến G08	TH, MO	Toàn quốc
10	G10	Quản lý điều hành và chia sẻ	Lực lượng Kiểm lâm và chuyên trách bảo vệ rừng; Văn bản QPPL; Chương trình/dự án; Công chia sẻ dữ liệu (LDOP/NDOP)	Liên kết toàn bộ nhóm qua LDOP/NDOP	SDL, MO, GD	Toàn quốc

